

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 375/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-12-2020
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Công Trọn.

Ông Trịnh Văn Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bồng là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 735/2020/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 295/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1993; cư trú tại ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn N, sinh năm 1982; cư trú tại ấp g, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q trình bày: Chị và anh Lê Văn N tự nguyện kết hôn vào năm 2008, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, lối sống, thường xuyên cự cãi, không hòa hợp dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc và tự sống riêng với nhau, do không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung của chị và anh N có hai người tên Lê Thiện H, sinh ngày 11/01/2010 và Lê Nhật H, sinh ngày 23/11/2013 hiện đang ở với anh N, sau khi ly hôn chị thống nhất để hai người con cho anh N nuôi theo nguyện vọng của các con, không cấp dưỡng.

Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của anh Lê Văn N: Anh thừa nhận thời gian kết hôn như chị Q trình bày, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp chủ yếu là do chị Q ngoại tình dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc, nay chị Q yêu cầu ly hôn anh không đồng ý.

Về phần con chung có hai người như chị Q trình bày, nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh yêu cầu nuôi hai người con vì các con có nguyện vọng ở với anh, không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về phần tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Q được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Văn N được xác lập vào năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn là chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết. Do quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Văn N không đăng ký theo quy định của pháp luật, căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Q và anh N là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Q và anh N có hai người con chung tên Lê Thiện H, sinh ngày 11/01/2010 và Lê Nhật H, sinh ngày 23/11/2013 đang ở cùng anh N, sau khi ly hôn chị Q thống nhất giao hai người con cho anh N nuôi. Như vậy, các đương sự đã thỏa thuận việc nuôi con và sự thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định của pháp luật, căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao hai người con cho

anh N nuôi theo nguyện vọng của các con. Phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không đặt ra.

Chị Q có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu về phần tài sản nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí chị Q đã nộp được khấu trừ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53, khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Văn N là vợ chồng.

Về con chung: Anh Lê Văn N nuôi hai người con tên Lê Thiện H, sinh ngày 11/01/2010 và Lê Nhật H, sinh ngày 23/11/2013 đang ở cùng anh N. Phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Chị Q có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh N.

Vì lợi ích của con chưa thành niên nên chị Q có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và anh N có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng, chị Q đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004193 ngày 26/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hải